

## *Bài 18*

# **ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-2011)**

**I. ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU  
QUẢ CỦA CHIẾN TRANH, HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT  
ĐẤT NƯỚC, ĐƯA CẢ NƯỚC PHÁT TRIỂN THEO CON  
ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**1. Khắc phục hậu quả chiến tranh, hoàn thành  
thống nhất đất nước (1975-1976)**

Với Đại thắng mùa Xuân 1975 cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi. Đây là một trong những chiến thắng lịch sử oanh liệt nhất, lẫy lừng nhất của dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã đánh bại đế quốc Mỹ - một đế quốc có thế lực kinh tế, quân sự hùng mạnh vào bậc nhất thế giới. Một kỷ nguyên phát triển rực rỡ của cách mạng Việt Nam đã được mở ra: Kỷ nguyên cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ hết sức khó khăn, lại phải tiến hành trong điều kiện đất nước vừa trải qua những năm tháng chiến tranh liên miên nên càng nặng nề và gian nan hơn.

Nhân dân miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa làm nhiệm vụ của hậu phương lớn, vừa phải trực tiếp chống lại hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ nên "quá trình tiến lên sản xuất lớn bị chậm lại đến vài ba kế hoạch 5 năm"<sup>1</sup>. Vì thế, kinh tế miền Bắc chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, cơ chế quản lý vốn nặng về tập trung quan liêu, bao cấp, lại bị chi phối thêm bởi chiến tranh nên càng bị méo mó, phi kinh tế. Sau năm 1975, chiến tranh kết thúc, cơ chế quản lý kinh tế bộc lộ rõ hơn những bất cập của nó. Quan hệ sản xuất có dấu hiệu của sự khủng hoảng. Do vậy, việc chấn chỉnh lại cơ chế quản lý kinh tế cho phù hợp với quy luật vận động là một vấn đề hết sức khó khăn. Về mặt xã hội, chiến tranh đã làm xáo trộn và gây tổn thất lớn cho lực lượng lao động, để lại hậu quả rất nặng nề và kéo dài.

Ở miền Bắc, tuy chiến tranh đã chấm dứt từ sau Hiệp định Pari nhưng do sự tàn phá nặng nề của hai lần chiến tranh phá hoại nên trong năm 1975, nhân dân miền Bắc vẫn phải tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế. Cho đến hết năm 1975, nhiệm vụ khôi phục kinh tế mới căn bản hoàn thành. Hầu hết các cơ sở công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.498.

nghiệp bị chiến tranh tàn phá đã được khôi phục (trừ một số ít còn kết hợp khôi phục với mở rộng). So với năm 1965, giá trị sản lượng công nghiệp năm 1975 đạt 173,3%, giá trị sản lượng nông nghiệp đạt 111,4%.

Đối với miền Nam, do chính sách thực dân kiểu mới, yếu tố tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập mạnh vào các ngành công nghiệp, thương nghiệp, tài chính ngân hàng... và bước đầu trong nông nghiệp. Trong chừng mực nhất định, kinh tế ở các vùng bị tạm chiếm đã phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Tuy nhiên, kinh tế miền Nam chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, cơ cấu mất cân đối và lệ thuộc nặng nề vào viện trợ bên ngoài. Vì vậy, khi Mỹ rút quân, cắt giảm viện trợ, nền kinh tế miền Nam lập tức rơi vào khủng hoảng. Nhiệm vụ khôi phục và phát triển một nền kinh tế vốn mang tính lệ thuộc cao như vậy trở nên hết sức khó khăn. Đó là chưa kể đến khó khăn ở những vùng bị tàn phá bởi chiến tranh, bị hủy diệt bởi chất độc hóa học. Sau giải phóng, miền Nam còn có sự phức tạp về mặt xã hội. Chiến tranh và quá trình cưỡng bức đô thị hóa của Mỹ đã gây xáo trộn trong phân bố lực lượng lao động. Nông thôn, nông nghiệp thiếu lao động. Các vùng đô thị, mật độ dân số quá đông, không tương xứng với sự phát triển về kinh tế.

Sau chiến tranh, quần chúng nhân dân rất phấn khởi, nhanh chóng bắt tay vào xây dựng chế độ mới, nhưng cũng còn một bộ phận, nhất là những người đã từng tham gia trong bộ máy quân sự và chính trị của chính quyền Sài Gòn tỏ ra lo ngại, thậm chí có người lợi dụng Nhà nước gặp

khó khăn để kích động, lôi kéo quần chúng, móc nối với các thế lực phản động bên ngoài gây rối loạn trong nước.

Để sớm ổn định tình hình các vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng nhanh chóng được thành lập. Chính quyền cách mạng đã chỉ đạo các cơ sở tiếp quản những vùng mới giải phóng. Do triển khai kịp thời và chủ động nên công việc tiếp quản diễn ra nhanh gọn, có kết quả. Chúng ta đã tiếp nhận gần như nguyên vẹn các căn cứ quân sự, các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hóa, góp phần tạo cơ sở vật chất ban đầu để nhanh chóng khôi phục kinh tế.

Đương nhiên, hậu quả của những năm tháng chiến tranh liên miên còn rất nặng nề về cả kinh tế và xã hội. Nhân dân hai miền còn phải tiếp tục khắc phục trong nhiều năm sau.

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Ngày 25-4-1976, nhân dân khắp hai miền Bắc - Nam nô nức tham gia Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Đây là lần thứ hai cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức trên phạm vi cả nước, sau lần đầu tổ chức từ ngày 6-1-1946. Hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu và đã bầu ra 492 đại biểu. Kết quả của Tổng tuyển cử là một thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên con đường tiến tới hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Ngày 24-6-1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất, được gọi là Quốc hội khóa VI với ý nghĩa kế tục sự



ng nghiệp của 5 khóa Quốc hội trước, họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội.

Quốc hội quyết định đặt tên nước Việt Nam thống nhất là *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, thông qua chính sách đối nội, đối ngoại, bầu cử các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của Nhà nước, quy định các nguyên tắc xây dựng bộ máy chính quyền các cấp, quy định quốc kỳ, quốc ca, bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Với kết quả của Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã hoàn thành, đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân, đáp ứng yêu cầu tất yếu khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, tập trung cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thống nhất, mở ra khả năng to lớn để phát triển quan hệ với các nước trên thế giới.

Những thành quả bước đầu trong sự nghiệp thống nhất đất nước năm đầu tiên sau hòa bình đã cho phép hai miền cùng bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm trên phạm vi cả nước.

## **2. Bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976-1985)**

Trên cơ sở xác định đường lối chung, đường lối xây dựng kinh tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quyết định phương hướng trong giai đoạn tiếp theo là vừa khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh

vừa phải tổ chức lại nền kinh tế, xây dựng một bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đặt nền móng cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Kế hoạch 5 năm đầu tiên sau khi đất nước thống nhất nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách: xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành bước đầu cơ cấu kinh tế mới trong cả nước và cải thiện một bước đời sống của nhân dân lao động.

Ở miền Bắc, nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh được khôi phục, mở rộng. Một số cơ sở được xây dựng thêm. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp càng trở nên sôi động. Mô hình hợp tác hóa - tập thể hóa được đẩy tới mức cao nhất.

Ở miền Nam, do chính sách thực dân mới của Mỹ, nền kinh tế ở các vùng tạm chiếm bước đầu phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, sau năm 1975, chúng ta phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm thống nhất nền kinh tế theo mô hình chung trong cả nước. Đối tượng của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa vẫn nhằm vào kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể.

Trong công nghiệp, Nhà nước đã quốc hữu hóa và chuyển thành quốc doanh tất cả các xí nghiệp công quản, các xí nghiệp của tư sản mại bản và tư sản bỏ chạy ra nước ngoài. Năm 1976, tư sản mại bản và tư sản lớn đã bị xóa bỏ. Đối với tư sản loại vừa và loại nhỏ, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo bằng con đường thành lập các xí nghiệp công tư hợp doanh. Tiểu chủ được đưa vào các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp.

Trong thương nghiệp, Đảng và Nhà nước chủ trương phải xóa bỏ ngay thương nghiệp tư bản tư doanh, chuyển đại bộ phận tiểu thương sang sản xuất. Đầu năm 1978, một chiến dịch tiến công vào tư sản thương nghiệp được triển khai. Hàng nghìn cơ sở kinh doanh của tư sản thương nghiệp được chuyển giao cho thương nghiệp quốc doanh quản lý và sử dụng. Cuối năm 1978, có khoảng 9 vạn người buôn bán nhỏ được chuyển sang sản xuất và 15.000 người được sử dụng trong ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đồng thời với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được hình thành và dần dần chiếm lĩnh thị trường.

Đến giữa năm 1979, chúng ta đã căn bản hoàn thành việc chuyển các cơ sở tư bản tư doanh trong các ngành công nghiệp, thương nghiệp, vận tải, xây dựng và dịch vụ quan trọng thành các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh.

Trong nông nghiệp, từ cuối năm 1978 đến cuối năm 1980, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được đẩy mạnh ở các tỉnh phía nam.

Qua cải tạo, thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể đang phát triển trong thể chế kinh tế cũ bị hạn chế, thủ tiêu. Kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể ngày càng được mở rộng trở thành hai thành phần kinh tế chủ yếu. Nền kinh tế miền Nam bước đầu phát triển theo mô hình kinh tế của miền Bắc cũng như của cả phe xã hội chủ nghĩa nói chung.

Để thực hiện mục tiêu cải thiện đời sống văn hoá của nhân dân, Nhà nước đã tăng cường đầu tư cho lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế. Hệ thống trường học, bệnh viện, các cơ sở văn hoá tiếp tục được tu bổ, xây dựng. Ở các tỉnh miền Nam, việc xây dựng hệ thống trường học từ cấp cơ sở, nhất là ở các vùng nông thôn được đặc biệt quan tâm cùng với việc tiếp tục bổ sung đội ngũ giáo viên, thống nhất chương trình đào tạo.

Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Tình hình y tế được cải thiện rõ rệt ở những vùng mới giải phóng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ, trở thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học.

Kết thúc kế hoạch 5 năm 1976-1980 chúng ta đã đạt được một số thành tựu quan trọng như thống nhất đất nước về mặt nhà nước, thiết lập hệ thống chính trị mới trong cả nước. Trên cơ sở đó, chúng ta đã thực hiện một loạt các chính sách khác nhằm tiến tới thống nhất nước nhà về mọi mặt. Nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống lại hai cuộc chiến tranh quy mô lớn ở biên giới phía tây nam và phía bắc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Campuchia và nhân dân Lào. Trên mặt trận kinh tế, nhân dân ta đã nỗ lực hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định sản xuất và đời sống. Chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng về phát triển sự nghiệp giáo dục trong cả nước.



Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế còn thấp so với yêu cầu đề ra trong kế hoạch, thậm chí có những điểm không phù hợp, cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980, chúng ta đã nỗ lực tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất. Kết thúc kế hoạch, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể đã được đẩy tới mức cao nhất ở các tỉnh phía Bắc, đồng thời được xác lập ở các tỉnh phía nam. Về hình thức, công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất đã thành công. Tuy nhiên, nếu xét dưới góc độ quan hệ sản xuất có phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hay không, có đem lại hiệu quả kinh tế hay không thì vấn đề lại hoàn toàn khác. Khu vực kinh tế quốc doanh mặc dù được đầu tư nhiều nhưng làm ăn kém hiệu quả. Khu vực kinh tế tập thể cũng ở trong tình trạng như vậy. Ở miền Bắc, quy mô của các hợp tác xã nông nghiệp càng lớn thì hiệu quả càng thấp. Ở miền Nam, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được thành lập một cách ồ ạt nhưng cũng vì không có hiệu quả nên nông dân không hưởng ứng. Cuối năm 1980, ngay sau khi được đánh giá là đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp thì hàng loạt hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tan rã, toàn miền chỉ còn lại 3.732 tập đoàn sản xuất và 173 hợp tác xã quy mô vừa.

Với kế hoạch 5 năm 1976-1980, cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân được tăng cường so với trước, nhưng tốc độ tăng không tương xứng với mức đầu tư



xây dựng cơ bản. Trong 5 năm 1976-1980, giá trị tài sản cố định tăng chỉ bằng 46,8% tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản. Mặt khác, hiệu quả kinh tế của hệ thống cơ sở vật chất lại thấp. Nhiều công trình đã xây dựng xong nhưng chỉ huy động được trên dưới 50% công suất. Giá trị tài sản cố định tăng, trang bị tài sản cho một lao động tăng nhưng năng suất lao động xã hội tính bằng thu nhập quốc dân theo giá so sánh lại giảm.

Vì vậy trong những năm đầu, nền kinh tế còn đạt được tốc độ tăng trưởng, nhưng từ năm 1979, tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân đều giảm. Tính chung lại, trong kế hoạch 5 năm 1976-1980, bình quân một năm tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng 1,4%, thu nhập quốc dân tăng 0,4%. Trong khi đó dân số tăng với tốc độ bình quân 2,24%. Năm 1980, kết thúc kế hoạch 5 năm 1976-1980 nhưng tất cả 15 chỉ tiêu chủ yếu đều không đạt kế hoạch, thậm chí một số sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp quan trọng bình quân đầu người không giữ được mức của năm 1976.

Tình hình sản xuất như vậy cộng với những sai lầm trong lưu thông phân phối, thị trường tài chính, tiền tệ không ổn định nên lạm phát diễn ra nghiêm trọng. Đời sống của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân của tình trạng trên bao gồm cả những yếu tố khách quan và chủ quan.

Về khách quan: Chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là chủ yếu, lại bị 30 năm chiến tranh tàn phá và chịu nhiều hậu quả của chủ nghĩa

thực dân cũ và mới. Năm 1979, chiến tranh ở biên giới phía tây nam và phía bắc làm cho bức tranh kinh tế càng xấu hơn. Thiên tai vào những năm 1977, 1978 cũng góp phần làm cho sản xuất nông nghiệp giảm sút.

Về chủ quan: Chúng ta đã phạm sai lầm trong việc đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Do chủ quan, nóng vội mà chúng ta đã đề ra những mục tiêu quá lớn và bỏ qua những bước đi cần thiết.

Kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 thực hiện không mấy thành công đã làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thấy phải có sự điều chỉnh nhất định trong đường lối, chính sách kinh tế của mình. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV (tháng 8-1979) chính là sự khởi đầu của quá trình điều chỉnh, đặt cơ sở cho quá trình đổi mới căn bản sau này. Hội nghị chủ trương phải sửa chữa các khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là phải đổi mới công tác kế hoạch hóa và cải tiến một cách cơ bản chính sách kinh tế làm cho sản xuất "bung ra" theo phương hướng kế hoạch của Nhà nước. Từ đó dẫn đến những đổi mới cục bộ trong kế hoạch 5 năm 1981-1985.

Tháng 3-1982, Đảng Cộng sản Việt Nam họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, khẳng định Việt Nam tiếp tục thực hiện đường lối chung và xác định từng chặng đường đi cho cách mạng Việt Nam.

Trong kế hoạch 5 năm 1981-1985, tuy vẫn đề ra nhiệm vụ tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội

chủ nghĩa nhưng thận trọng hơn và việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật không triển khai đồng loạt như trong kế hoạch 5 năm 1976-1980 mà tiến hành một cách có trọng điểm. Số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu định ra trong kế hoạch này so với kế hoạch trước vừa ít về số lượng, vừa thấp về mức phấn đấu trong một số chỉ tiêu.

Thực hiện kế hoạch 5 năm 1981-1985, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội tiếp tục được xây dựng.

Về cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, công cuộc cải tạo sản xuất xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp tiếp tục được tiến hành mềm dẻo hơn, không nóng vội như những năm 1976-1980. Ở miền Bắc, trong kế hoạch 5 năm trước, một số hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức lại theo hướng trở lại quy mô nhỏ trước đó. Ở miền Nam, tư tưởng nóng vội dẫn đến ô ạt, dùng mệnh lệnh ép buộc nông dân vào hợp tác xã như trước đây đã bị phê phán. Nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ được chú ý. Những nơi chưa tiến hành tổ chức hợp tác xã đã cố gắng tìm ra những hình thức, bước đi thích hợp như vận động nông dân vào các tổ đoàn kết, tập đoàn sản xuất rồi sau đó mới thành lập hợp tác xã.

Kế hoạch 5 năm 1981-1985 đã tiến hành một số đổi mới cục bộ trong quản lý ở một vài ngành kinh tế.

Trong nông nghiệp, để khắc phục tình trạng khủng hoảng về mô hình tổ chức sản xuất, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành *Chỉ thị số 100-CT/TW*, chính thức quyết định chủ trương thực hiện chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động

(thường gọi là khoán 100). Chỉ thị của Ban Bí thư đã đáp ứng được nguyện vọng của nông dân nên nông dân các nơi nhiệt liệt hưởng ứng. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng nhanh chóng đi vào thực tiễn.

Hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đã khắc phục được những hạn chế của các hình thức khoán trong hợp tác xã nông nghiệp trước đây, gắn được lợi ích của người lao động với sản phẩm cuối cùng. Người nông dân rất quan tâm đến năng suất, sản lượng. Do đó, họ đã tích cực đầu tư công sức, vật tư để phát triển sản xuất, sản lượng lương thực trong cả nước vì thế mà tăng lên. Năm 1980, sản lượng lương thực là 14,4 triệu tấn, năm 1985 với kết quả đó, khoán 100 được coi là bước đột phá đầu tiên trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Trong công nghiệp, ngày 21-1-1981, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25-CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm tiếp tục phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. Đây là bước khởi đầu giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận với cơ chế thị trường thông qua việc thực hiện các kế hoạch ngoài kế hoạch pháp lệnh. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân nên kết quả đổi mới cơ chế quản lý trong các doanh nghiệp quốc doanh còn hạn chế.

*Về chính sách giá cả, tiền lương:* Trong thời gian 1981 - 1982, Nhà nước tiến hành điều chỉnh giá. Đây là cuộc cải cách giá tương đối lớn đầu tiên ở Việt Nam nhằm đưa hệ thống giá cũ, quá thấp, nặng tính bao cấp, tồn tại suốt mấy chục năm, tiếp cận với giá thị trường cùng thời điểm.



Tháng 10-1985, Nhà nước lại tiến hành đợt tổng điều chỉnh giá đi đôi với xây dựng hệ thống lương theo giá mới, đồng thời tiến hành đổi tiền. Tuy nhiên, cải cách giá trong kế hoạch này không thành công vì nó vẫn nằm trong khuôn khổ Nhà nước quy định giá. Sau một thời gian điều chỉnh, giá thị trường tự do lại tăng vọt, chênh lệch giữa hai loại giá vẫn ngày càng lớn. Ngân sách bội chi ngày càng tăng, mức độ lạm phát ngày càng cao. Tình hình đó đã làm trầm trọng thêm tình trạng mất ổn định về kinh tế - xã hội, gây hỗn loạn trên thị trường và gây khó khăn lớn cho đời sống của nhân dân.

*Đôi với những mục tiêu về xã hội*, mặc dù kinh tế còn rất khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước vẫn chủ trương thực hiện mục tiêu chăm lo đến đời sống của nhân dân về cả vật chất lẫn tinh thần. Trong kế hoạch 5 năm 1981-1985, Đảng và Nhà nước đã cố gắng tìm tòi một hướng đi mới để phát triển kinh tế nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất, tiến tới cải thiện đời sống của nhân dân. Kết quả đổi mới bước đầu trong nông nghiệp đã góp phần giải quyết nhu cầu về lương thực trong nước và cải thiện một bước đời sống của nông dân - thành phần dân cư chiếm số đông trong xã hội. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Một số nội dung của cải cách giáo dục đã được thực hiện. Nhiều loại hình trường lớp được mở ra. Hệ thống dạy nghề chính quy đã được hình thành. Nội dung giảng dạy, học tập có một số



điểm sửa đổi. Các trường đều đẩy mạnh lao động sản xuất, gắn nhiệm vụ giáo dục với các chương trình kinh tế - xã hội của cả nước và của từng địa phương.

Sau chiến thắng biên giới phía tây nam và phía bắc, Đảng và Nhà nước tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh, thi hành chính sách hậu phương quân đội. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, an ninh chính trị giành thêm những thắng lợi mới. Chúng ta đã tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận lực lượng phản động FULRO ở vùng Tây Nguyên, bắt gọn nhiều nhóm phản động, gián điệp, thám báo và làm phá sản âm mưu phá hoại của chúng.

Như vậy, so với kế hoạch 5 năm trước thì kế hoạch 5 năm 1981-1985 có một số điểm mới đáng ghi nhận. Chúng ta đã tiến hành một bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư và nhịp độ phát triển đi đôi với một số thay đổi cục bộ trong cơ chế quản lý kinh tế. Nền kinh tế có bước tăng trưởng khá hơn.

Sau hai kế hoạch 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế theo mô hình cũ, nền kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng:

- + Quan hệ sản xuất chưa phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- + Kinh tế tăng trưởng thấp, nếu tính chung từ năm 1976 đến năm 1985, tổng sản phẩm xã hội tăng 50,5%, bình quân mỗi năm tăng 4,6%. Thu nhập quốc dân tăng 38,8%, bình quân tăng 3,7%/năm.

+ Sản xuất trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Toàn bộ quỹ tích lũy (tuy rất nhỏ bé) và một phần tiêu dùng phải dựa vào nguồn nước ngoài.

+ Lạm phát diễn ra ở mức trầm trọng. Trong kế hoạch 15 năm 1976-1980, lạm phát đã gây tác động xấu đến đời sống kinh tế - xã hội. Chính phủ đã có nhiều biện pháp kiềm chế tốc độ lạm phát nhưng không có hiệu quả. Năm 1985, cải cách giá, lương, tiền không thành công đã làm cho tốc độ lạm phát tăng vọt.

## II. ĐẢNG KHỎI XƯỞNG VÀ LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI; ĐẤT NƯỚC RA KHỎI TÌNH TRẠNG KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI

### 1. Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1990)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (hợp từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986) đã đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong thập niên đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ đó xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đề ra nhiệm vụ chung cho cả chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là *"Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã*

*hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*"<sup>1</sup> và "Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta tiếp tục *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa"<sup>2</sup>.

Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định tiếp tục đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng đề ra.

Tuy nhiên, đến Đại hội VI, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ tiếp tục được cụ thể hóa trên cơ sở nâng cao nhận thức về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là cả một thời kỳ lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng và hiện đang ở chặng đường đầu tiên. Đại hội nêu rõ "chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn"<sup>3</sup> và "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"<sup>4</sup>.

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm ổn định sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định đời sống vật chất và văn hóa, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.371, 373, 375, 376.

Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được.

Những mục tiêu cụ thể là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy, tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh...

Muốn thực hiện những "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát" của chặng đường đầu tiên (phải trong nhiều kế hoạch 5 năm nữa) thì trong 5 năm trước mắt (1986-1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Muốn thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế, thì nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí là mặt trận hàng đầu và được ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lực, vật tư, lao động, kỹ thuật, v.v..

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ được giao trách nhiệm làm cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội lần thứ VI là đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết tiến lên của Đảng.



Đường lối đổi mới đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra đã thật sự đi vào cuộc sống và đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, trước tiên là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong việc thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế.

Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên (năm 1988, phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo), đến năm 1990, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất - nhập khẩu. Đó là kết quả tổng hợp của việc phát triển sản xuất, thực hiện chính sách khoán trong nông nghiệp, xóa bỏ chế độ bao cấp, tự do lưu thông và điều hòa cung cầu lương thực - thực phẩm trên phạm vi cả nước. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 19,50 triệu tấn (vượt năm 1987 hơn 2 triệu tấn) và năm 1989 đạt 21,40 triệu tấn.

Hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch vẫn tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mã. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường, phần bao cấp của Nhà nước về vốn, giá vật tư, tiền lương... giảm đáng kể. Đó là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới nhiều chính sách về sản xuất và lưu thông hàng hóa. Từ năm 1989, sản xuất tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và

một số mặt hàng mới khác. Năm 1989, Việt Nam xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo; nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập.

Những kết quả của việc thực hiện các mục tiêu của Ba chương trình kinh tế gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế. Nhà nước cho đình và hoãn nhiều công trình đã ký với nước ngoài và của một số ngành, địa phương để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm trực tiếp phục vụ Ba chương trình kinh tế hoặc có ý nghĩa trọng yếu. Trong 5 năm 1986-1990, ta đã dành cho Ba chương trình kinh tế hơn 60% vốn đầu tư của ngân sách trung ương, 75 - 80% vốn đầu tư của địa phương. Ngoài ra, phần đầu tư của nhân dân cũng rất lớn, đồng thời đã thu hút được một số vốn đầu tư của nước ngoài. Nhiều công trình công nghiệp nặng quan trọng được khởi công từ những năm trước, nay được đưa vào sử dụng. Một số ngành sản xuất mới, có triển vọng tốt như dầu khí được hình thành... Một số loại hình kinh tế dịch vụ mới ra đời và phát triển nhanh, góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hóa và phục vụ đời sống nhân dân.

Một thành tựu quan trọng nữa là đã bước đầu kiềm chế được đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1987 là 10%, năm 1988 là 14%, thì năm 1989 là 2,5% và năm 1990 là 4,4%. Đây là kết quả tổng hợp của việc thực hiện Ba chương trình kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách giá và lãi suất, mở rộng thông thương và điều hòa cung

cầu hàng hóa. Điều có ý nghĩa là chúng ta đạt được kết quả này trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm so với trước, vừa chống lạm phát và thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh. Nhờ kiểm chế được lạm phát, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

Một thành tựu quan trọng khác về đổi mới kinh tế là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Phát triển quan điểm kinh tế của Đại hội VI, Hội nghị lần thứ sáu (tháng 8-1989) của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã khẳng định việc phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế; khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường.

Ngoài những thành tựu về kinh tế, chúng ta còn đạt được nhiều thành tích và tiến bộ bước đầu trên các lĩnh vực khác.

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát

huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử; hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp được nâng cao; bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những thành tựu, ưu điểm và tiến bộ nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

Công cuộc đổi mới về thực chất là một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, tiến bộ, nhưng đồng thời cũng có nhiều khó khăn, hạn chế, yếu kém. Những ưu điểm, thành tựu đạt được bước đầu thực hiện đường lối đổi mới là rất quan trọng, song khó khăn, yếu kém cũng rất lớn, đó là: đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết:

- Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động còn thiếu việc làm, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất bị đình đốn kéo dài, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

- Chế độ tiền lương bất hợp lý, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương (hoặc trợ cấp xã hội) và của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.



- Sự nghiệp văn hóa còn những mặt tiếp tục xuống thấp. Tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ, mất dân chủ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật, kỷ luật, kỷ cương và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến.

## **2. Tiếp tục đổi mới đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội (1991-1995)**

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, những diễn biến quốc tế phức tạp đã tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta. Nhưng Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá con đường đổi mới tuy chưa có một khuôn mẫu cho trước, từng bước đưa đường lối của Đại hội VI đi vào cuộc sống. Tuy tình hình cách mạng còn nhiều khó khăn, song với kết quả đạt được trong bước đầu đổi mới đã có thể xác nhận khả năng tự đổi mới của nhân dân ta là hiện thực.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (họp từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu, ưu điểm đã đạt được; khắc phục những khó khăn, hạn chế mắc phải trong bước đầu đổi mới, ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh trong quá trình đó, điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới (được đề ra từ Đại hội VI) để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước tiến lên.

Ngoài việc quyết định những công việc cách mạng trong nhiệm kỳ, Đại hội VII của Đảng còn quyết định một

số vấn đề về chiến lược lâu dài. Đó là việc thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII gồm 146 ủy viên, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 ủy viên. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Bối cảnh quốc tế và nước ta có những thay đổi lớn, tác động đến quá trình đổi mới của ta, bắt đầu từ Đại hội VI và tiếp tục sau Đại hội VII của Đảng.

Về chính trị, sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các thế lực thù địch tăng cường việc thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình"; kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, truyền bá tư tưởng - văn hóa đồi trụy, độc hại; đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào nước ta nhằm cấu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước, tăng cường hoạt động nhằm lật đổ chế độ...

Trong nước, trên tất cả các lĩnh vực, nhất là về kinh tế - xã hội, vẫn còn nhiều khó khăn, bao trùm nhất là đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội... nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

Nhưng chúng ta có thuận lợi cơ bản, đó là: những thành tựu bước đầu rất quan trọng và những kinh nghiệm đổi mới đã thu được trong những năm trước là to lớn; đông đảo quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ đường lối đổi mới; cục diện chính trị nước ta ổn định. Chúng ta có nhiều

tiềm năng để phát triển: đội ngũ lao động và cán bộ khoa học - kỹ thuật cần cù, thông minh, sáng tạo; khả năng thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích trong nông nghiệp, phát triển nghề rừng và thủy sản còn lớn; công nghiệp dầu khí, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu có những điều kiện thuận lợi để mở rộng; vốn nhân rỗi trong nhân dân còn nhiều...

Xuất phát từ đặc điểm tình hình quốc tế và trong nước nói trên, căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (đề ra từ Đại hội VI), Đại hội VII của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 1991-1995 là vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1991-1995, trên các lĩnh vực của công cuộc đổi mới, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu và tiến bộ to lớn. Trong 5 năm, nhịp độ tăng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,6%). Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng. Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cũng có những thay

đổi theo hướng có hiệu quả hơn. Các ngành dịch vụ phát triển đa dạng. Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất, nhập khẩu mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh. Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hóa và xã hội có những chuyển biến tích cực. Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới sau một số năm giảm sút. Công tác thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển phong phú cả về thể loại, hình thức và nội dung, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục (đặc biệt là giáo dục truyền thống cách mạng), đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, đẩy lùi ảnh hưởng của văn hóa độc hại. Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình được mở rộng. Trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe, đã có những cố gắng và tiến bộ về vệ sinh phòng bệnh, thực hiện có kết quả các chương trình chăm sóc và bảo vệ trẻ em, chương trình phòng, chống sốt rét, bướu cổ, phòng, chống suy dinh dưỡng; tăng tỷ lệ số dân được dùng nước sạch, cung cấp dịch vụ y tế tại xã, phường. Một số trung tâm y tế được đầu tư nâng cấp và trang bị lại. Chế độ bảo hiểm y tế được mở rộng. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình phát triển sâu rộng và bước đầu đạt được kết quả. Tỷ lệ sinh mỗi năm giảm gần 1%. Chủ trương "đền ơn, đáp nghĩa" đối với những người có công với nước được toàn dân hưởng ứng. Phong trào xóa đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng được mở rộng, trở thành nét đẹp trong xã hội ta.



Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau. Số hộ thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm đi. Nhiều địa phương đã thanh toán được nạn đói. Mỗi năm giải quyết được hơn một triệu lao động có việc làm. Người lao động được giải phóng khỏi ràng buộc của cơ chế bất hợp lý, phát huy được quyền làm chủ và tính năng động, sáng tạo, chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội. Trên cơ sở đó, lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước, vào Đảng và Nhà nước được nâng lên. Ổn định tình hình chính trị - xã hội được giữ vững, quốc phòng và an ninh được củng cố. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị. Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế. Chúng ta đã triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa.

Bên cạnh thành tựu và tiến bộ đáng ghi nhận, nước ta vẫn còn nhiều yếu kém và hạn chế:

- Tình trạng tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, làm ăn phi pháp chưa được ngăn chặn, có nơi nghiêm trọng. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, trong Đảng và các đoàn thể, trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế và cả trong hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật... diễn ra nghiêm trọng, kéo dài.

- Sự phân hóa giàu, nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp tăng nhanh. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở những vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, vùng đồng bào dân tộc, còn nhiều khó khăn. Nhịp độ phát triển dân số vẫn cao. Số người chưa có việc làm ở thành thị chiếm khoảng 7%, thời gian lao động ở nông thôn mới được sử dụng ở mức thấp.

- Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp; công tác giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, miền núi còn nhiều khó khăn. Hệ thống khám, chữa bệnh phần lớn bị xuống cấp cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng và tinh thần phục vụ. Người nghèo không đủ tiền chữa bệnh và cho con em đi học. Tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái, hủy hoại tài nguyên ngày càng tăng; đã có những bệnh dịch, bệnh xã hội đe dọa một số vùng, số người nhiễm HIV ngày càng tăng, văn hóa phẩm độc hại lan tràn, tệ nạn xã hội phát triển; trật tự, an toàn xã hội còn nhiều phức tạp.

- Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ và nhất quán, thực hiện không nghiêm. Quản lý nhà nước về đất đai, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái cùng các hoạt động văn hóa, hoạt động khoa học và công nghệ chưa tốt.

Những thành tựu và tiến bộ của công cuộc đổi mới sau 10 năm, nhất là sau kế hoạch 5 năm 1991-1995, đã và đang tạo ra thế và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài để đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, đất nước gặp không ít khó khăn và thử thách. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1996) của Đảng nêu lên là những thách thức lớn đối với nhân dân ta trong những thời kỳ tiếp sau của công cuộc đổi mới. Bốn nguy cơ đó là:

+ *Sự tụt hậu xa hơn về kinh tế* so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát của ta quá thấp, nhịp độ tăng trưởng của ta chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt.

+ *Âm mưu diễn biến hòa bình*, dùng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" của các thế lực thù địch trước việc sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước do khuyết tật của mô hình cũ, hòng can thiệp vào công việc nội bộ nước ta.

+ *Chệch hướng xã hội chủ nghĩa* trong thời kỳ đất nước đổi mới, thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường.

+ *Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái* về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy Đảng và Nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch, dẫn tới chệch hướng xã hội chủ nghĩa, là mảnh đất thuận lợi cho "diễn biến hòa bình".

### III. ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN ĐẤT NƯỚC TRONG THẾ KỶ XXI

#### 1. Đất nước chuyển sang thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh

Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được triệu tập ở Hà Nội từ ngày 22-6 đến ngày 1-7-1996 (kể cả họp nội bộ và họp công khai). Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000, Điều lệ Đảng (bổ sung và sửa đổi) và Nghị quyết của Đại hội. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Đỗ Mười làm Tổng Bí thư<sup>1</sup>.

Đại hội đã khẳng định: "Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn".

---

1. Đến tháng 12-1997, tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã chấp nhận đề nghị của đồng chí Đỗ Mười chuyển giao chức vụ Tổng Bí thư và bầu đồng chí Lê Khả Phiêu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.



Đại hội khẳng định cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trên con đường thực hiện mục tiêu nêu trên, Đại hội xác định: **"Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau"**<sup>1</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đánh dấu bước ngoặt lãnh đạo chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.82.

vì hạnh phúc của nhân dân, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai của đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

*Những thắng lợi trong những năm 1996-2000 đã tăng cường sức mạnh, làm đổi thay bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.*

## **2. Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới trong thế kỷ XXI**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hà Nội từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001. Đại hội kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 do Đại hội VII đề ra và tổng kết 15 năm đổi mới kể từ Đại hội VI (1986). Về bài học của quá trình đổi mới, Đại hội IX của Đảng nêu rõ những bài học mà các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII đã tổng kết vẫn có giá trị to lớn và nhấn mạnh những bài học chủ yếu.

Đại hội IX của Đảng đã tổng kết thành quả của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI. Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá IX gồm 150 uỷ viên. Ban

Chấp hành Trung ương trong Hội nghị lần thứ nhất đã bầu Bộ Chính trị gồm 15 đồng chí và Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Thực hiện phương hướng cơ bản do Đại hội IX đề ra là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng, toàn dân nỗ lực đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội với 1.176 đại biểu được bầu từ đại hội đại biểu các cấp, đại diện cho trên 3,1 triệu đảng viên. Đây là Đại hội tổng kết 20 năm đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 và Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX trình Đại hội X.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã nhấn mạnh: 20 năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Đại hội X đã bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đại hội X chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công

ng nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội X của Đảng đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X gồm 160 uỷ viên chính thức và 21 uỷ viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã bầu Bộ Chính trị gồm 14 đồng chí, Ban Bí thư gồm 8 đồng chí. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011 tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.377 đại biểu, tiêu biểu cho trí tuệ, sự thống nhất ý chí và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, đại diện cho 3,6 triệu đảng viên. Chủ đề của Đại hội là: *"Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.14.



Đại hội XI đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng (2006-2011), tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001-2010), 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) và 25 năm đổi mới. Đại hội XI đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2011-2015, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nhiệm kỳ 2011-2015.

Đại hội XI khẳng định, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa và đề ra phương hướng nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011-2015).

*Mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"<sup>1</sup>.*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.32-33.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Cương lĩnh là sự tổng kết 20 năm thực hiện và bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991. Cương lĩnh đã nêu rõ quá trình cách mạng và những bài học của cách mạng Việt Nam; quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nêu bật tám đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở Việt Nam; quán triệt và thực hiện tám phương hướng cơ bản. Trong Cương lĩnh đã nêu rõ những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Cương lĩnh làm rõ về xây dựng hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng. "Cương lĩnh của Đảng là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và nhân dân ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc"<sup>1</sup>.

Trong Nghị quyết Đại hội XI đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, trong đó, đề ra mục tiêu tổng quát: "*Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.90.

*vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau"*<sup>1</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua toàn văn *Điều lệ Đảng* đã được bổ sung, sửa đổi. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI gồm 200 đồng chí, trong đó có 175 ủy viên Trung ương chính thức và 25 ủy viên Trung ương dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp kỳ họp thứ nhất bầu Bộ Chính trị gồm 14 đồng chí và Ban Bí thư gồm một số đồng chí ủy viên Bộ Chính trị và 4 đồng chí do Ban Chấp hành Trung ương bầu. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và nhất trí thông qua những văn kiện rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự phát triển của đất nước. Trong diễn văn bế mạc Đại hội, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: "Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tạo nên sức mạnh cổ vũ to lớn toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt lên mọi khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội mới, phấn đấu vì mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"<sup>2</sup>.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.103, 333.

#### IV. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM LỚN CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM 3

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1-2011) trên cơ sở tổng kết thực tiễn hơn 80 năm cách mạng nước ta đã nêu ra năm bài học kinh nghiệm lớn của cách mạng Việt Nam.

*Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai mặt, hai mục tiêu, hai nhiệm vụ chiến lược xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, có mối liên hữu cơ với nhau: Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn kiên định hai mục tiêu chiến lược này và xử lý đúng đắn mối quan hệ này. Nhờ đó, cách mạng Việt Nam mới giành được từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân dân là người sáng tạo lịch sử. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng hơn 80 năm, toàn bộ hoạt động của Đảng đều xuất phát từ lợi ích và nguyện



vọng chính đáng của nhân dân. Thực tiễn cho thấy, sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân.

Ngày nay, Đảng ta đang kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng vì "Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng"<sup>1</sup>.

*Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết:* đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Đoàn kết giai cấp là một tư tưởng lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin với những khẩu hiệu như: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại"; "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại".

Đoàn kết là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công"<sup>2</sup>.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tư tưởng phát huy sức mạnh đại toàn kết dân tộc được Đảng thể hiện trong chủ đề Đại hội.

*Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.*

Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.65.

2. Hồ Chí Minh: *T toàn tập*, t.10, tr.607.

độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại. Đây chính là truyền thống quý báu của Đảng ta.

Từ khi thành lập đến nay, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn với tinh thần độc lập, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời phát huy tối đa sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, sức mạnh của thời đại.

*Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác vì Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Đường lối của Đảng chỉ đúng đắn khi Đảng nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra; mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan.

Sai lầm về đường lối có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường. Vì vậy, Đảng phải luôn luôn phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.